TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP ĐỨC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **42**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27-4-2021

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC, TỈNH QUẢNG NAM

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Lãnh**

- Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Hứa Văn Hòa**;

+ Bà **Trần Thị Xuân Hiệp**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn Huy** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hương Giang** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 118/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**; Sinh năm: 1976 (*Có mặt*).

Bị đơn: Anh **Kiều Đình S**; Sinh năm: 1974 (*Vắng mặt không lý do*).

Cùng trú tại: Thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Loan trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Kiều Đình S kết hôn vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đ. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, bắt đầu từ năm 2016 thì anh Sơn đã bỏ vợ con đi chung sống người phụ nữ khác và thường xuyên có những hành vi đánh đập vợ, con. Nay, chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Kiều Đình S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống có 03 con chung là:

+ Kiều Thị Hoa Ph; Sinh năm: 1998 (*Đã trưởng thành*).

+ Kiều Thị Sương M; Sinh ngày: 09/8/2006.

+ Kiều Thị Như A; Sinh năm: 20/4/2012.

Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con Kiều Thị Sương M và Kiều Thị Như A đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Đình S vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh nhiều lần nhưng vẫn không có mặt, do đó Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, nơi cư trú và tại nhà chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Đình S và tống đạt, niêm yết các thủ tục tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh S đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo thủ tục chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện H đã xác định quan hệ tranh chấp, thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền, lợi ích của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mâu thuẫn hôn nhân giữa các đương sự là có thật; Anh S và chị L thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, cãi vả, anh S hay về nhà đánh đập vợ con và sống chung cùng người phụ nữ khác, không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc ly hôn giữa chị L và anh S; Giao hai con chung là Kiều Thị Sương M và Kiều Thị Như A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành 18 tuổi và Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về thủ tục tố tụng***: Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Kiều Đình S đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Kiều Đình S cư trú tại thôn T, xã S, huyện H, tỉnh Q nên Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Đình S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đ. Việc kết hôn của chị L và anh S đảm bảo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ năm 2016, khi đi làm ở huyện P, tỉnh Q thì anh S có quan hệ với người phụ nữ khác và bản thân chị L không sinh được con trai; từ đó anh S thường uống rượu về nhà chửi bới, đánh đập vợ con nhiều lần làm. Vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn và mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa, anh S vắng mặt nhưng lời khai của chị L phù hợp với các biên bản xác minh Tòa án với Công an xã S, thôn trưởng nơi anh S cư trú cung cấp thông tin như sau: Anh S thường xuyên đi khỏi địa phương, thường xuyên vắng nhà để đi làm.

Biên bản xác minh đối với chị Kiều Thị Hoa Ph ngày 15/01/2021 là con ruột của anh Kiều Đình S và chị Nguyễn Thị L cung cấp thông tin như sau: Mẹ L và ba S hay xảy ra mâu thuẫn, ba S về nhà thường xuyên chửi bới, đánh đập và đuổi mẹ con chị và mẹ L ra khỏi nhà. Chị cũng đã liên lạc nhiều lần với ba S và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho ba S về giải quyết việc ly hôn nhưng ba S nói đi làm ăn, nếu xin ly hôn thì làm thủ tục giải quyết vắng mặt.

Biên bản xác minh đối với anh Trần L ngày 15/01/2021 là con rể của anh Kiều Đình S cung cấp thông tin như sau: Ba S, mẹ L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và hay đánh đập mẹ và vợ tôi là Kiều Thị Hoa Ph mặc dù tôi có can ngăn nhưng không được. Anh cũng đã liên lạc và thông báo với ba S nhiều lần về giải quyết việc ly hôn với mẹ L và trực tiếp gửi giấy triệu tập cho ba S nhưng ba S nói đi làm ăn không về, nếu xin ly hôn thì giải quyết vắng mặt.

Từ những chứng cứ đã phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Kiều Đình S.

[3] ***Về con chung***: Chị Nguyễn Thị L và anh Kiều Đình S có 03 con chung là Kiều Thị Hoa Ph sinh năm 1998 (*đã có chồng*); Còn Kiều Thị Sương M, sinh ngày 09/8/2006 và Kiều Thị Như A, sinh ngày 20/4/2012 chị L mong muốn được nhận nuôi dưỡng cả hai cháu đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy anh S thường xuyên bỏ nhà đi làm ăn, hai cháu chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc phát triển tốt và các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao hai cháu Kiều Thị Sương M và Kiều Thị Như A cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Theo quy định của pháp luật bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi con. Tuy nhiên anh Sơn vắng mặt nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này anh Sơn có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Hội đồng xét xử cũng đã giải thích cho chị L biết: Chị cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] ***Về tài sản chung, nợ chung***: Chị L khai tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do anh S vắng mặt nên Tòa án không giải quyết, nếu sau này anh S có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] ***Về án phí***: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh S không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn Cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 ban hành ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Kiều Đình S.

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Kiều Đình S.

2. ***Về con chung***: Giao hai cháu Kiều Thị Sương M và Kiều Thị Như A cho chị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. ***Về tài sản chung:*** Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. ***Về án phí:*** Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí tòa án số 0005370 ngày 22/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hứa Văn Hòa **Trần Thị Xuân Hiệp** **Nguyễn Tiến Lãnh**